

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày 06 tháng 8 năm 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà và Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyên Khang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lam Phương – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T2; (tên cũ: Công ty TNHH MTV T3). Trụ sở: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 113 thuộc Khu C Số A, đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số A T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh). Đại diện theo pháp luật: Ông Chun Y III. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phùng Minh Đ. Chức vụ: Giám đốc Khối thu hồi nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 048/2024/GUQ-TGD ngày 04/10/2024).

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty L1. Trụ sở: Số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Nay là số H N, phường H, thành phố Đà Nẵng). Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ1. Chức vụ: Giám đốc. (Theo Giấy uỷ quyền số 53/2024/UQ-KK-SVFC ngày 12/12/2024). Công ty L1 uỷ quyền cho các ông/bà sau tham gia tố tụng tại Toà án: Ông Hoàng Văn Đ1, Bà Nguyễn Ngọc A, bà Lê Thị Thảo N, bà Đỗ Thị Thùy T, ông Trần Hoàng H. (theo Văn bản uỷ quyền số 48/UQ.2024 ngày 13/12/2024, bà Ngọc A có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lâm Quốc T1, sinh năm: 1990. Địa chỉ: K đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (Nay là K L, phường T, thành phố Đà Nẵng), ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên toà của nguyên đơn – Công ty T2 và người đại diện theo uỷ quyền, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/02/2019, Công ty T2 (Sau đây gọi tắt là “Công ty T2” hoặc “Công ty”) và ông Lâm Quốc T1 có ký hợp đồng cho vay số 100011361 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”).

Theo đó, Công ty T2 cho ông Lâm Quốc T1 vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 33%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 26/02/2019, Công ty T2 đã giải ngân đủ số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) cho ông Lâm Quốc T1.

Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Lâm Quốc T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 10 (Mười) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.721.173 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 10/3/2019, kỳ cuối cùng vào ngày 10/02/2023.

Tuy nhiên trong quá trình diễn ra hợp đồng, ông Lâm Quốc T1 đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty T2, ông Lâm Quốc T1 chỉ mới thanh toán tổng cộng 16 kỳ (thanh toán cả gốc và lãi theo lịch trình thanh toán) và 04 kỳ trừ vào nợ gốc với tổng số tiền 74.552.139 đồng (*Bảy mươi tư triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó: G đã trả: 36.388.177 đồng; L đã trả: 38.163.961,83 đồng. Từ ngày 10/7/2020, ông T1 có thanh toán cho Công ty T2 nhưng không đầy đủ tiền gốc và lãi theo kỳ như thoả thuận tại hợp đồng nên khoản nợ của ông T1 bị chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ sau ngày 21/05/2021 cho đến nay ông Lâm Quốc T1 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty T2.

* Yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Vì vậy, Công ty T2 đã khởi kiện ông Lâm Quốc T1 tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê (Nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Thành phố Đà Nẵng) để giải quyết những yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu Ông Lâm Quốc T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 06/08/2025 là 229.050.398đ (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi triệu, ba trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 63.611.823 đồng; nợ lãi trong hạn: 40.583.763 đồng; Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 108.005.361 đồng; lãi chậm trả/lãi quá hạn: 16.849.451 đồng.

- Yêu cầu Ông Lâm Quốc T1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo thoả thuận tại hợp đồng đã ký trên dư nợ gốc từ ngày 07/08/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lâm Quốc T1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình

bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 gửi đến Toà án. Nên Toà án không hoà giải được các tranh chấp trong vụ án. Tại phiên tòa, ông Lâm Quốc T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty T2, buộc bị đơn – ông Lâm Quốc T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lâm Quốc T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng cho vay số 100011361 ngày 26/02/2019 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Công ty T2 đã giải ngân cho ông Lâm Quốc T1 số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, ông Lâm Quốc T1 đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty T2, ông Lâm Quốc T1 chỉ mới thanh toán tổng cộng 16 kỳ (thanh toán cả gốc và lãi theo lịch trình thanh toán) và 04 kỳ trừ vào nợ gốc với tổng số tiền 74.552.139 đồng (*Bảy mươi tư triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó: G đã trả: 36.388.177 đồng; L đã trả: 38.163.961,83 đồng. Từ ngày 10/7/2020, ông T1 có thanh toán cho Công ty T2 nhưng không đầy đủ tiền gốc và lãi theo kỳ như thỏa thuận tại hợp đồng

nên khoản nợ của ông T1 bị chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ sau ngày 21/05/2021 cho đến nay ông Lâm Quốc T1 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty T2.

Mặc dù Công ty T2 đã nhiều lần yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T1 vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn cho Công ty T2 theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông Lâm Quốc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng quy định Lịch trả nợ/Lịch trả nợ điều chỉnh kèm theo Hợp đồng cho vay đã ký. Tại phiên tòa, Công ty T2 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – ông Lâm Quốc T1 phải trả ngay cho Công ty T2 tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/8/2025, ông T1 còn nợ Công ty T2 số tiền 229.050.398đ (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi triệu, ba trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 63.611.823 đồng; nợ lãi trong hạn: 40.583.763 đồng (33%/năm); Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 108.005.361 đồng (49,5%/năm); lãi chậm trả/lãi quá hạn: 16.849.451 đồng (10%/năm) và buộc ông Lâm Quốc T1 phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký là có cơ sở. Bị đơn ông Lâm Quốc T1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày về nội dung tranh chấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Lâm Quốc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty T2

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 117, 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Công ty T2 đối với ông Lâm Quốc T1.

Xử:

1. Buộc ông Lâm Quốc T1 phải trả ngay cho Công ty T2 tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/8/2025 là 229.050.398đ (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi triệu, ba trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 63.611.823 đồng; nợ lãi trong hạn: 40.583.763 đồng; Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 108.005.361 đồng; lãi chậm trả/lãi quá hạn: 16.849.451 đồng.

2. Buộc ông Lâm Quốc T1 phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/8/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Lâm Quốc T1 phải chịu là 11.452.520 đồng.

Công ty T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.137.468 đồng đã nộp theo biên lai thu số 6205 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng)

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thông